

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2025/DS-ST
Ngày: 23/4/2025
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Thu Vân;

2. Ông Trần Thanh Sang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung G, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Quốc B, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 28/3/2025; có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị B1, sinh năm 1989; địa chỉ: khóm T, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Quốc B cho rằng, thông qua giới thiệu, ông G có cho bà B1 vay tiền nhiều lần bắt đầu từ tháng 02/2024 đến tháng 4/2024 với tổng số tiền là 509.250.000 đồng.

Việc vay không làm biên nhận, không thỏa thuận thời gian trả, mục đích vay để bà B1 làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, hình thức nhận tiền thông qua chuyển khoản ngân hàng. Trong quá trình vay, bà B1 có chuyển trả cho ông G số tiền 274.250.000 đồng, chưa thanh toán lãi.

Ông G đã nhiều lần yêu cầu bà B1 thanh toán số tiền nợ nhưng bà B1 hứa nhiều lần và vẫn không thực hiện. Do đó, ông G yêu cầu bà B1 có nghĩa vụ trả cho ông G số tiền còn nợ 235.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Tờ tự khai của ông Nguyễn Trung G ngày 25/02/2025; Bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng in ngày 08/10/2024 (bản sao); Giấy ủy quyền ngày 28/3/2025 và Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Tại biên bản lấy lời khai đương sự do Cán bộ Tòa án lập ngày 09/4/2025*, bị đơn bà Trần Thị B1 thống nhất với lời trình bày của ông G về quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng vay tài sản, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Trong quá trình vay, bà B1 có trả cho ông G tiền lãi đến tháng 8/2024 thì ngưng, nợ gốc đã trả còn nợ lại 215.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà B1 đồng ý trả số tiền 215.000.000 đồng với hình thức trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Số tiền lãi đã đóng thì bà B1 không có yêu cầu. Do con bị bệnh phải ở nhà chăm con nên yêu cầu được vắng mặt tham gia phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, lấy lời khai, đối chất và xét xử....không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu vắng mặt xét xử nên tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đề xuất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung G, buộc bà Trần Thị B1 có nghĩa vụ trả cho ông G số tiền 215.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung G yêu cầu bà B1 có nghĩa vụ trả số tiền vay 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* *Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Trung G khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị B1 có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ, bà B1 cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của ông G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Ông Trương Quốc B, bà Trần Thị B1 được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng các đương sự đều có yêu cầu vắng mặt tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà B1 là phù hợp tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[1] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Vào khoảng tháng 02/2024 đến tháng 4/2024, ông Nguyễn Trung G có cho bà Trần Thị B1 vay tiền nhiều lần với số tiền 509.250.000 đồng. Việc vay không làm biên nhận, không thỏa thuận thời gian trả, mục đích vay để bà B1 làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, hình thức nhận tiền thông qua chuyển khoản ngân hàng. Trong quá trình vay, bà B1 có trả cho ông G số tiền 274.250.000 đồng, không trả lãi cho đến nay.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông G rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng.

Bà B1 cũng thống nhất với lời trình bày của ông G về quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng vay tài sản, số tiền vay, số tiền đã trả nên còn nợ lại số tiền 215.000.000 đồng. Từ những ý kiến trên có căn cứ xác định, bà B1 có vay của ông Nguyễn Trung G, có thanh toán vốn nên còn lại 215.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do Bé vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông G khởi kiện yêu cầu bà B1 trả cho số tiền 215.000.000 đồng, bà B1 cũng thống nhất còn nợ ông G số tiền trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G là phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự. Việc bà B1 yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ nhưng không được ông G đồng ý nên không có căn cứ cho bà B1 trả dần.

Đối với việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà B1 số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này là phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu tính lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà B1 phải chịu 10.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông G số tiền tạm ứng án phí 5.875.000 đồng mà ông G đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị B1 trả số tiền vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung G.

Buộc bà Trần Thị B1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trung G số tiền 215.000.000 (hai trăm mười lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị B1 phải chịu 10.750.000 (mười triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trung G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông G số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.875.000 (năm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024287 ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, ông G, bà B1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm